

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 12/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0082	SV5919087	Trần Thị	Mai	01/04/1999		
2	TA0083	SV5919088	Lê Văn	Minh	07/03/1999		
3	TA0084	SV5919089	Nguyễn Tuấn	Minh	16/08/1999		
4	TA0085	SV5919090	Trần Đức	Minh	12/09/1999		
5	TA0086	SV5919091	Nguyễn Mậu	Muôn	26/12/1999		
6	TA0087	SV5919092	Mai Thị Trà	My	01/01/1999		
7	TA0088	SV5919093	Trần Hoài	Nam	15/06/1999		
8	TA0089	SV5919094	Nguyễn Trung	Nghĩa	28/03/1999		
9	TA0090	SV5919095	Mai Thị	Ngọc	26/12/1999		
10	TA0091	SV5919096	Ngô Thị	Ngọc	28/11/1999		
11	TA0092	SV5919097	Nguyễn Bích	Ngọc	17/04/1999		
12	TA0093	SV5919098	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/09/1999		
13	TA0094	SV5919099	Phạm Nguyễn	Nguyên	24/03/1998		
14	TA0095	SV5919100	Nguyễn Thị Mai	Như	09/09/1999		
15	TA0096	SV5919101	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29/08/2000		
16	TA0097	SV5919102	Nguyễn Thị Thu	Oanh	28/12/1999		
17	TA0098	SV5919103	Lê Ngọc	Phong	01/07/1999		
18	TA0099	SV5919104	Nguyễn Minh	Phước	25/02/1999		
19	TA0100	SV5919105	Nguyễn Minh	Phước	03/02/1999		
20	TA0101	SV5919106	Lương Thị Thu	Phương	06/07/1999		
21	TA0102	SV5919107	Nguyễn Thị	Phương	16/10/1999		
22	TA0103	SV5919108	Đoàn Diễm	Quỳnh	08/09/1998		
23	TA0104	SV5919109	Nguyễn Như	Quỳnh	06/11/1999		
24	TA0105	SV5919110	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/02/1999		
25	TA0106	SV5919111	Dương Văn	Sinh	27/11/1999		
26	TA0107	SV5919112	Nguyễn Thị	Sinh	14/07/2000		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0108	SV5919113	Trần Đức	Son	26/10/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)